Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 24.04.2024 16:2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HỦY BỎ, BÃI BỎ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2024/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 3 NĂM 2024 THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 977 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.		Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	Hóa chất	Cục Hóa chất
2.		Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1			
3.		Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1			
4.		Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3			
5.		Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3			
6.		Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3			
7.		Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3			
8.		Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3			

9.		Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3			
10.		Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3			
11.		Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3			
12.		Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3			

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	Hóa chất	Cục Hóa chất
2	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1			
3	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1			
4	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3			
5	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3			
6	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3			
7	2.000431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1			

8	2.000257	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3			

2. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung hủy bỏ, bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.004015	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF	Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	Hóa chất	Cục Hóa chất
2	2.001689	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF			
3	1.003905	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC-PSF			

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I. Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

1. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

1.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) kiểm tra trình Thủ tướng Chính phủ cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

1.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép;

- Bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng (nếu có);

1.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

1.5. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chính phủ.

1.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh
Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng ☐ Kinh doanh ☐ Khác ☐

2. Đề nghị. . . .[4] cấp. . . .[7] giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Khối lượng (kg, tấn)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Hợp đồng/Thoả thuận mua bán/Hóa đơn/Vận đơn số: . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .

4. Tên quốc gia nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

5. Thời gian thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[10]:

1. . . . . .
2. . . . . .
3. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3] Ghi rõ "nhập khẩu" hoặc "xuất khẩu".
[4] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5] Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.
[7] Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh nêu rõ lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8] Nêu rõ hàm lượng %.
[9] Nêu rõ khối lượng hóa chất Bảng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (kg, tấn).
[10] Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ (đánh số thứ tự).

2. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

2.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp thay đổi nội dung hợp đồng, thỏa thuận mua bán, đơn đặt hàng, bản ghi nhớ hoặc hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thực hiện như cấp mới Giấy phép.

2.2.Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép bao gồm:

Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh;

2.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

2.5. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chính phủ.

2.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

2.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh
Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng ☐ Kinh doanh ☐ Khác ☐

2. Đề nghị. . . .[4] cấp. . . .[7] giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Khối lượng (kg, tấn)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Hợp đồng/Thoả thuận mua bán/Hóa đơn/Vận đơn số: . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .

4. Tên quốc gia nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

5. Thời gian thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[10]:

4. . . . . .
5. . . . . .
6. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3] Ghi rõ "nhập khẩu" hoặc "xuất khẩu".
[4] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5] Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.
[7] Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh nêu rõ lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8] Nêu rõ hàm lượng %.
[9] Nêu rõ khối lượng hóa chất Bảng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (kg, tấn).
[10] Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ (đánh số thứ tự).

3. Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

3.1. Trình tự thực hiện:

- Giấy phép được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

- Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 10 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) kiểm tra, trình Thủ tướng Chính phủ gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

3.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm:

Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép; bản sao Giấy phép đã được cấp.

3.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

3.5. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chính phủ.

3.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

7.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1.

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Yêu cầu chung:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP .

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

4. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

4.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Thời hạn của Giấy phép cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

4.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép;

- Bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng.

4.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4.5. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương.

4.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

4.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Yêu cầu chung:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh
Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng ☐ Kinh doanh ☐ Khác ☐

2. Đề nghị. . . .[4] cấp. . . .[7] giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Khối lượng (kg, tấn)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Hợp đồng/Thoả thuận mua bán/Hóa đơn/Vận đơn số: . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .

4. Tên quốc gia nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

5. Thời gian thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[10]:

7. . . . . .
8. . . . . .
9. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3] Ghi rõ "nhập khẩu" hoặc "xuất khẩu".
[4] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5] Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[7] Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh nêu rõ lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8] Nêu rõ hàm lượng %.
[9] Nêu rõ khối lượng hóa chất Bảng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (kg, tấn).
[10] Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ (đánh số thứ tự).

5. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.

5.1. Trình tự thực hiện:

Trường hợp thay đổi nội dung hợp đồng, thỏa thuận mua bán, đơn đặt hàng, bản ghi nhớ hoặc hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất).

5.2.Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép bao gồm:

Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép; giấy tờ, tài liệu xác nhận đối với các nội dung điều chỉnh.

5.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

5.5. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương.

5.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

5.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh
Giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

- Mục đích nhập khẩu: Sử dụng ☐ Kinh doanh ☐ Khác ☐

2. Đề nghị. . . . [4] cấp. . . . [7] giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Khối lượng (kg, tấn)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Hợp đồng/Thoả thuận mua bán/Hóa đơn/Vận đơn số: . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .

4. Tên quốc gia nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

5. Thời gian thực hiện nhập khẩu/xuất khẩu[3]: . . . . . .

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[10]:

10. . . . . .

11. . . . . .

12. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.

[3] Ghi rõ "nhập khẩu" hoặc "xuất khẩu".

[4] Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

[5] Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).

[6] Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[7] Trường hợp cấp lại/cấp điều chỉnh nêu rõ lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.

[8] Nêu rõ hàm lượng %.

[9] Nêu rõ khối lượng hóa chất Bảng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (kg, tấn).

[10] Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ (đánh số thứ tự).

6. Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

6.1. Trình tự thực hiện:

- Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Giấy phép được gia hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

- Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần;

6.2.Cách thức thực hiện:

- Bưu điện;

- Trực tiếp;

- hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia).

6.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép bao gồm:

- Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép;

- Bản sao Giấy phép đã được cấp.

6.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

6.5. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.

6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương.

6.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

6.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

6.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1, hóa chất Bảng 2 từ các Quốc gia thành viên của Công ước Cấm vũ khí hóa học. Trường hợp việc xuất khẩu hóa chất Bảng 3 được thực hiện với tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên của Công ước thì phải có Giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia này.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp. Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép nhập khẩu hóa chất Bảng để kinh doanh sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng thực hiện các quy định về báo cáo tại Điều 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm tra tại Điều 34 và 35 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất Bảng để sử dụng trong quá trình sản xuất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 21 và 22 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất Bảng không phải thực hiện các quy định về khai báo hóa chất thuộc Danh mục hóa chất phải khai báo theo quy định của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

6.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

7. Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo mẫu tại Phụ lục II của Nghị định 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp sản xuất hóa chất, kinh doanh Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích chuyên ngành (y tế, dược phẩm, nông nghiệp, an ninh, quốc phòng), khi cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi cấp phép. Thời gian lấy ý kiến đối đa 05 ngày làm việc, không kể thời gian gửi và nhận văn bản và không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024. Quá thời hạn trên, nếu Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành không có ý kiến góp ý bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân.

đ) Sau khi cấp phép, Bộ Công Thương gửi 01 bản Giấy phép về Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

7.2.Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;
- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

7.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

b) Bản kê khai các điểm kinh doanh;

c) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

d) Bản sao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Bản sao Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với

từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Bản thuyết minh về điều kiện kinh doanh được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024; bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

e) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn của từng điểm kinh doanh hóa chất;

g) Bản sao Bằng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;

h) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

i) Bản cam kết kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.

7.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

7.5.Thời hạn giải quyết:16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).

7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3.

7.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hóa chất – Bộ Công Thương.

7.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

7.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3.

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.

7.11.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

c) Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất và an toàn phòng, chống cháy nổ;

d) Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng phải có trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất;

đ) Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

7.12.Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép. . . . . .[3] Hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

2. Đề nghị. . . . . [4] cấp. . . . . [7] Giấy phép. . . . . [3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương	Thông tin hóa chất Bảng		Sản

	mại	Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	lượng/ khối lượng (năm)[9]
1							
2							
n							

3. Giải trình thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, kinh doanh hoặc thay đổi sản lượng sản xuất, khối lượng kinh doanh (nếu có)[10]

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định và hướng dẫn thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[11]:

1. . . . . .
2. . . . . .
3. . . . . .
4. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:
[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3]Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh" tên hóa chất Bảng (ví dụ hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2, ...).
[4]Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5]Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6]Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.
[7]Trường hợp cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép thì ghi rõ "cấp lại" hoặc "cấp điều chỉnh" và nêu tên Giấy phép đã được cấp, thời gian cấp, lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8]Nêu rõ hàm lượng %.
[9]Nêu rõ sản lượng hóa chất Bảng sản xuất tối đa trong một năm (kg,tấn/năm). Trường hợp kinh doanh hóa chất Bảng ghi là khối lượng.
[10]Nêu rõ việc thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, sản lượng sản xuất/thay đổi hóa chất bảng kinh doanh, khối lượng kinh doanh.
[11]Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ

Mẫu số 05

THUYẾT MINH
Điều kiện sản xuất, kinh doanh[1] hóa chất Bảng

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng: . . . . . .

2. Hóa chất Bảng[2] đề nghị cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh: . . . . . .

3. Bản kê khai địa điểm sản xuất, kinh doanh[1]: . . . . . .

4. Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa: Bản vẽ phải có các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất (bản vẽ kèm theo Thuyết minh này).

5. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa (liệt kê tên giấy tờ):

- . . . . . .

- . . . . . .

(Gửi bản phô tô công chứng kèm theo Thuyết minh này).

6. Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất hóa chất Bảng[3], gồm:

- Sơ đồ quy trình;

- Nội dung thuyết minh quy trình.

7. Quy trình kinh doanh hóa chất Bảng[3]:

- Sơ đồ quy trình;

- Nội dung thuyết minh quy trình.

8. Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất gồm các thông tin như bảng dưới đây:

TT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
3						
n						

9. Phiếu an toàn hóa chất[4]:

- . . . . . .

- . . . . . .

(Gửi Phiếu an toàn hóa chất kèm theo Thuyết minh này).

Chú thích:

[1]Ghi rõ loại hình hoạt động "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh"

[2]Ghi cụ thể hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3

[3]Nêu rõ quy trình sản xuất từ khâu đầu vào đến đầu ra. Nêu rõ quy trình kinh doanh từ khâu nhập hàng, giao khách hàng đến vận chuyển hoặc cất giữ. Trường hợp sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng thì phải thuyết minh hai quy trình: Sản xuất; kinh doanh

[4]Nếu có từ 02 hóa chất trở lên cần liệt kê từng Phiếu an toàn hóa chất

8. Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

8.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3 bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi Bộ Công Thương;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương (Cục Hoá chất) có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

8.2.Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

8.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

- Bản chính Giấy phép đã được cấp trong trường hợp Giấy phép bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép trong trường hợp Giấy phép bị hư hỏng.

8.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

8.5. Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

8.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương.

8.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

8.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

8.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.

8.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất và an toàn phòng, chống cháy nổ;

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng phải có trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

8.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép. . . . . .[3] Hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

2. Đề nghị. . . . . .[4] cấp. . . . . .[7] Giấy phép. . . . . .[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Sản lượng/ khối lượng (năm)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Giải trình thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, kinh doanh hoặc thay đổi sản lượng sản xuất, khối lượng kinh doanh (nếu có)[10]

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định và hướng dẫn thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[11]:

5. . . . . .
6. . . . . .
7. . . . . .
8. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.

[3]Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh" tên hóa chất Bảng (ví dụ hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2, ...).

[4]Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

[5]Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).

[6]Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.

[7]Trường hợp cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép thì ghi rõ "cấp lại" hoặc "cấp điều chỉnh" và nêu tên Giấy phép đã được cấp, thời gian cấp, lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.

[8]Nêu rõ hàm lượng %.

[9]Nêu rõ sản lượng hóa chất Bảng sản xuất tối đa trong một năm (kg,tấn/năm). Trường hợp kinh doanh hóa chất Bảng ghi là khối lượng.

[10]Nêu rõ việc thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, sản lượng sản xuất/thay đổi hóa chất bảng kinh doanh, khối lượng kinh doanh.

[11]Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ

9. Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

9.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép và gửi Bộ Công Thương (Cục Hoá chất).

- Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy phép như cấp mới Giấy phép.

9.2.Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

9.3. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép bao gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép;

- Bản chính Giấy phép đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

9.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

9.5. Thời hạn giải quyết: 16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).

9.6.Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

9.7.Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Công Thương.

9.8.Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

9.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.

9.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3(Phụ lục kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

9.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất và an toàn phòng, chống cháy nổ;

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng phải có trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

9.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép. . . . . .[3] Hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

2. Đề nghị. . . . . [4] cấp. . . . . [7] Giấy phép. . . . . [3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Sản lượng/ khối lượng (năm)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							

2							
n							

3. Giải trình thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, kinh doanh hoặc thay đổi sản lượng sản xuất, khối lượng kinh doanh (nếu có)[10]

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định và hướng dẫn thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[11]:

9. . . . . .
10. . . . . .
11. . . . . .
12. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:
[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3]Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh" tên hóa chất Bảng (ví dụ hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2, ...).
[4]Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5]Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6]Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.
[7]Trường hợp cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép thì ghi rõ "cấp lại" hoặc "cấp điều chỉnh" và nêu tên Giấy phép đã được cấp, thời gian cấp, lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8]Nêu rõ hàm lượng %.
[9]Nêu rõ sản lượng hóa chất Bảng sản xuất tối đa trong một năm (kg,tấn/năm). Trường hợp kinh doanh hóa chất Bảng ghi là khối lượng.
[10]Nêu rõ việc thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, sản lượng sản xuất/thay đổi hóa chất bảng kinh doanh, khối lượng kinh doanh.
[11]Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ

10. Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian cấp phép quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

c) Trong thời hạn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân theo mẫu tại Phụ lục II của Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp sản xuất hóa chất, kinh doanh Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích chuyên ngành (y tế, dược phẩm, nông nghiệp, an ninh, quốc phòng), khi cần thiết, Bộ Công Thương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành trước khi cấp phép. Thời gian lấy ý kiến đối đa 05 ngày làm việc, không kể thời gian gửi và nhận văn bản và không tính vào thời gian cấp phép quy định tại Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024. Quá thời hạn trên, nếu Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành không có ý kiến góp ý bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân.

đ) Sau khi cấp phép, Bộ Công Thương gửi 01 bản Giấy phép về Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

10.2.Cách thức thực hiện:

- Qua Bưu điện;
- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;
- Nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương (Cục Hóa chất).

10.3.Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

b) Bản kê khai từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất;

c) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất;

d) Bản sao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Bản sao Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất và kinh doanh được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

e) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

g) Bản sao Bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất; Bản sao Bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;

h) Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

i) Bản cam kết sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

10.4. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

10.5.Thời hạn giải quyết:16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).

10.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3.

10.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hóa chất – Bộ Công Thương.

10.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

10.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3.

10.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024. ;

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất và kinh doanh được quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.

10.11.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Điều kiện sản xuất

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024.;

c) Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất Bảng phải có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

d) Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

2. Điều kiện kinh doanh

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024;

c) Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

d) Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất Bảng phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

đ) Các đối tượng thuộc quy định tại Điều 32 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 10 phải đáp ứng điều kiện: Chỉ được sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

10.12.Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: . . . . . /. . . . .[1]	[2] . . . , *ngày* . . . *tháng* . . . *năm* . . .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh Giấy phép. . . . . .[3] Hóa chất Bảng

Kính gửi: . . . . . .[4]

1. Tên tổ chức, cá nhân: . . . . . .

- Địa chỉ trụ sở chính: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh . . . . . .

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Địa chỉ kho chứa hóa chất: . . . . . .[5]

Số điện thoại: . . . . Fax: . . . . E-mail: . . . .

- Loại hình: Sản xuất ☐ Kinh doanh ☐ Sản xuất và Kinh doanh ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: . . . . . .[6]

2. Đề nghị. . . . . .[4] cấp. . . . . .[7] Giấy phép. . . . . .[3] hóa chất Bảng, cụ thể như sau:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất Bảng					Sản lượng/ khối lượng (năm)[9]
		Tên hóa học	Mã CAS	Tên gọi theo IUPAC	Công thức hóa học	Hàm lượng[8]	
1							
2							
n							

3. Giải trình thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, kinh doanh hoặc thay đổi sản lượng sản xuất, khối lượng kinh doanh (nếu có)[10]

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số . . ./. . ./NĐ-CP ngày . . . tháng . . . năm . . . của Chính phủ quy định và hướng dẫn thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, nếu vi phạm chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Liệt kê hồ sơ gửi kèm[11]:

13. . . . . .
14. . . . . .
15. . . . . .
16. . . . . .

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: . . .

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:
[1] Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
[2] Địa danh nơi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đóng trụ sở chính.
[3]Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh" tên hóa chất Bảng (ví dụ hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2, ...).
[4]Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
[5]Kê khai tất cả địa chỉ kho chứa hóa chất Bảng (nếu có).
[6]Ghi đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày tháng năm cấp.
[7]Trường hợp cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép thì ghi rõ "cấp lại" hoặc "cấp điều chỉnh" và nêu tên Giấy phép đã được cấp, thời gian cấp, lý do đề nghị cấp lại/cấp điều chỉnh.
[8]Nêu rõ hàm lượng %.
[9]Nêu rõ sản lượng hóa chất Bảng sản xuất tối đa trong một năm (kg,tấn/năm). Trường hợp kinh doanh hóa chất Bảng ghi là khối lượng.
[10]Nêu rõ việc thay đổi hóa chất Bảng sản xuất, sản lượng sản xuất/thay đổi hóa chất bảng kinh doanh, khối lượng kinh doanh.
[11]Liệt kê cụ thể từng tài liệu, giấy tờ

Mẫu số 05

THUYẾT MINH
Điều kiện sản xuất, kinh doanh[1] hóa chất Bảng

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng: . . . . . .

2. Hóa chất Bảng[2] đề nghị cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh: . . . . . .

3. Bản kê khai địa điểm sản xuất, kinh doanh[1]: . . . . . .

4. Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa: Bản vẽ phải có các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất (bản vẽ kèm theo Thuyết minh này).

5. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa (liệt kê tên giấy tờ):

- . . . . . .

- . . . . . .

(Gửi bản phô tô công chứng kèm theo Thuyết minh này).

6. Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất hóa chất Bảng[3], gồm:

- Sơ đồ quy trình;

- Nội dung thuyết minh quy trình.

7. Quy trình kinh doanh hóa chất Bảng[3]:

- Sơ đồ quy trình;

- Nội dung thuyết minh quy trình.

8. Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất gồm các thông tin như bảng dưới đây:

TT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
3						
n						

9. Phiếu an toàn hóa chất[4]:

- . . . . . .

- . . . . . .

(Gửi Phiếu an toàn hóa chất kèm theo Thuyết minh này).

Chú thích:

[1]Ghi rõ loại hình hoạt động "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất và kinh doanh"

[2]Ghi cụ thể hóa chất Bảng 1 hoặc hóa chất Bảng 2 hoặc hóa chất Bảng 3

[3]Nêu rõ quy trình sản xuất từ khâu đầu vào đến đầu ra. Nêu rõ quy trình kinh doanh từ khâu nhập hàng, giao khách hàng đến vận chuyển hoặc cất giữ. Trường hợp sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng thì phải thuyết minh hai quy trình: Sản xuất; kinh doanh

[4]Nếu có từ 02 hóa chất trở lên cần liệt kê từng Phiếu an toàn hóa chất